

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST

Ngày: 27 - 6 - 2022

“V/v T/C hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị.
2. Ông Bùi Mạnh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa- tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Khuru Lạc T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Hữu A, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ đang ở: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ghi ngày 04/4/2022.

Bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ghi ngày 22/6/2022. Ông A có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 31/3/2022 và các văn bản trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn ông Khuru Lạc T trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 30/3/2021 ông có cho bà Lê Thị Thùy L vay số tiền 783.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2021 được Văn phòng công chứng Lê Thị T công chứng số 876 quyển số 01/2021/TP/CC/SCC/HĐGD. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Thời hạn vay là 6 tháng. Mục đích bà L vay để kinh doanh. Tuy nhiên hết hạn vay tiền, ông có đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Ông A là chồng bà L dù không trực tiếp ký tên và hợp đồng vay tiền nhưng ông A phải có trách nhiệm cùng với bà L trả nợ cho ông. Ông yêu cầu ông A, bà L phải liên đới trả số tiền 783.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Thùy L không có lời trình bày.

Bị đơn ông Lê Hữu A trình bày tại bản tự khai ghi ngày 20/6/2022 và tại phiên tòa: Ông là chồng của bà Lê Thị Thùy L. Ông với bà L kết hôn từ năm 2016 có đăng ký kết hôn. Hiện nay vợ chồng sống chung tại địa chỉ thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Ông thừa nhận bà Lê Thị Thùy L có vay của ông Khuru Lạc T số tiền 783.000.000 đồng để kinh doanh mua bán. Bà L với ông T có ra phòng Công chứng Lê Thị T ký tên và nhận tiền. Tại thời điểm bà L vay tiền thì ông không biết nhưng vài tháng sau ông mới biết việc vay tiền này. Do việc làm ăn của bà L gặp khó khăn nên ông tự nguyện liên đới với bà L trả cho ông T số tiền 783.000.000 đồng. Ông xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Buộc ông Lê Hữu A, bà Lê Thị Thùy L phải liên đới trả cho ông Khuru Lạc T số tiền 783.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định:

[1] Tranh chấp giữa ông Khuru Lạc T với ông Lê Hữu A, bà Lê Thị Thùy L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện và các bên không thỏa thuận được. Nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ông Khuru Lạc T, bà Lê Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định nên được Hội đồng xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp: Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 30/3/2021 ông Khuru Lạc T có cho ông Lê Hữu A, bà Lê Thị Thùy L vay số tiền 783.000.000 đồng. Ông T với bà L có ra phòng Công chứng Lê Thị T ký tên trong hợp đồng số 876 quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2021. Lãi suất 0% /tháng. Thời hạn vay là 6 tháng. Bà L trực tiếp ký tên vào giấy vay tiền. Ông A không ký tên. Mục đích vay tiền là kinh doanh. Hết hạn vay tiền, ông T có gặp bà L đòi tiền nhiều lần nhưng bà L không trả. Ông Lê Hữu A thừa nhận bà L có vay tiền của ông T 783.000.000 đồng như lời ông T trình bày. Do việc làm ăn có khó khăn nên ông A xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi và cũng không đồng ý cho trả dần. Xét yêu cầu của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Pháp luật không quy định việc trả dần. Ông A tự nguyện liên đới cùng bà L trả nợ. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc ông A, bà L phải liên đới trả cho ông T số tiền vốn là 783.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông A, bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khuru Lạc T đối với ông Lê Hữu A và bà Lê Thị Thùy L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Lê Hữu A, bà Lê Thị Thùy L phải liên đới trả cho ông Khuru Lạc T số tiền gốc 783.000.000 đồng.

Từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Hữu A, bà Lê Thị Thùy L phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **35.320.000 đồng**. Ông T không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông T 17.660.000 đồng theo Biên lai thu số 0002358 ngày 30/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà L được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ

